

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: HÓA PHÂN TÍCH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
1	1213360095	Nguyễn Hữu Quốc	An	27/12/2006	01DS14C1	6.8	7.5	7.3		8.8		8.2	Đạt
2	1213240054	Trần Văn	An	08/01/2003	01DS14A1	9.0	8.0	8.3		9.6		9.1	Đạt
3	1213360072	Lê Thị Lan	Anh	26/07/2006	01DS14C1	6.0	7.0	6.7		7.4		7.1	Đạt
4	1213180033	Nguyễn Thị	Bình	10/08/1991	01DS14A1	8.3	8.8	8.6		9.0		8.8	Đạt
5	1213360152	Phùng Thị Thu	Dung	11/07/2006	01DS14C1	5.0	5.3	5.2		5.6		5.4	Đạt
6	1213360119	Hồng Quang	Duy	25/06/2006	01DS14C1	5.0	4.5	4.7	TBKT			1.9	Học lại
7	1213240060	Nguyễn Thanh	Duy	24/02/2003	01DS14A1	5.5	0.0	1.8	TBKT			0.7	Học lại
8	1213360113	Phan Nguyễn Kim	Hoàng	16/04/2006	01DS14C1	5.3	4.5	4.8	TBKT			1.9	Học lại
9	1213360006	Vũ	Huy	01/05/2000	01DS14C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
10	1213360128	Lê Đỗ Sa	Huỳnh	12/11/2006	01DS14C1	5.5	7.3	6.7		5.6		6.0	Đạt
11	1213360097	Nguyễn Thái Phương	Khanh	25/10/2006	01DS14C1	5.5	4.5	4.8	TBKT			1.9	Học lại
12	1213240020	Hồ Vĩnh	Long	27/10/1993	01DS14A1	8.0	8.3	8.2		8.2		8.2	Đạt
13	1213360089	Nguyễn Yên	My	30/03/2006	01DS14C1	4.5	4.8	4.7	TBKT			1.9	Học lại
14	1213360058	Lê Trung	Nguyên	14/01/2005	01DS14C1	4.8	4.0	4.3	TBKT			1.7	Học lại
15	1213360036	Lê Nguyễn Phương	Nhi	02/11/2006	01DS14C1	5.8	6.0	5.9		7.6		6.9	Đạt
16	1213360044	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	28/09/2006	01DS14C1	6.3	6.3	6.3		5.6		5.9	Đạt
17	1213360085	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	08/06/2006	01DS14C1	3.8	5.0	4.6	TBKT			1.8	Học lại
18	1213240049	Đỗ Trọng	Phú	15/08/2003	01DS14A1	2.8	2.0	2.3	TBKT			0.9	Học lại

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: HÓA PHÂN TÍCH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TBM Lần 1	
							4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
19	1213360138	Trần Nguyễn Trọng Phúc	21/02/2006	01DS14C1	0.5	2.0	1.5	TBKT			0.6	Học lại
20	1213360062	Nguyễn Thanh Tú Quyên	15/10/2006	01DS14C1	8.0	7.8	7.8		9.6		8.9	Đạt
21	1213360045	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	25/06/2006	01DS14C1	4.8	4.0	4.3	TBKT			1.7	Học lại
22	1213360088	Đỗ Như Quỳnh	15/10/2006	01DS14C1	5.8	6.3	6.1		7.6		7.0	Đạt
23	1213360108	Nguyễn Đoàn Hòa Thịnh	14/09/2006	01DS14C1	6.5	6.3	6.3		4.2		5.1	Đạt
24	1203360032	Thái Thị Thuỷ Tiên	01/10/2005	01DS14C1	6.8	7.3	7.1		2.8		4.5	Đạt
25	1213360047	Trần Thanh Trà	26/02/2006	01DS14C1	6.8	6.5	6.6		4.6		5.4	Đạt
26	1213180024	Nguyễn Thị Mai Trâm	10/02/1986	01DS14A1	7.0	7.3	7.2		8.2		7.8	Đạt
27	1213360033	Lưu Ngọc Tường Vy	05/11/2006	01DS14C1	7.5	6.5	6.8		8.6		7.9	Đạt
28	1213360034	Lưu Ngọc Khánh Vy	05/11/2006	01DS14C1	8.3	8.3	8.3		7.4		7.7	Đạt
29	1213240051	Trần Thị Hoàng Thúy Vy	02/09/2003	01DS14A1	8.3	8.0	8.1		8.2		8.2	Đạt
30	1213360086	Nguyễn Thị Thanh Xuân	10/09/2006	01DS14C1	5.0	5.5	5.3		4.8		5.0	Đạt
31	1213360014	Đặng Thị Như Ý	21/06/2006	01DS14C1	5.0	5.3	5.2		3.4		4.1	Đạt
32	1213360039	Từ Anh Mỹ Ý	29/04/2006	01DS14C1	8.5	8.5	8.5		9.6		9.2	Đạt
33	1833610271	Lê Thị Thảo Quuỳnh	01/03/2002	01DS11C1	6.5	7.5	7.2		4.0		5.3	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: QUẢN LÝ DƯỢC

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
1	1213360095	Nguyễn Hữu Quốc	An	27/12/2006	01DS14C1	5.0	8.5	7.3		6.7		7.0	Đạt
2	1213240054	Trần Văn	An	08/01/2003	01DS14A1	8.8	8.3	8.4		8.7		8.6	Đạt
3	1213360072	Lê Thị Lan	Anh	26/07/2006	01DS14C1	7.3	8.3	7.9		6.5		7.1	Đạt
4	1213180033	Nguyễn Thị	Bình	10/08/1991	01DS14A1	8.0	7.8	7.8		8.8		8.4	Đạt
5	1213360152	Phùng Thị Thu	Dung	11/07/2006	01DS14C1	6.5	7.3	7.0		5.7		6.2	Đạt
6	1213360119	Hồng Quang	Duy	25/06/2006	01DS14C1	5.5	6.0	5.8		5.7		5.8	Đạt
7	1213240060	Nguyễn Thanh	Duy	24/02/2003	01DS14A1	5.0	5.0	5.0				2.0	Thì lại
8	1213360113	Phan Nguyễn Kim	Hoàng	16/04/2006	01DS14C1	4.0	7.0	6.0		6.8		6.5	Đạt
9	1213360006	Vũ	Huy	01/05/2000	01DS14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
10	1213360128	Lê Đỗ Sa	Huỳnh	12/11/2006	01DS14C1	3.5	5.8	5.0		5.5		5.3	Đạt
11	1213360097	Nguyễn Thái Phương	Khanh	25/10/2006	01DS14C1	6.8	7.5	7.3		6.7		6.9	Đạt
12	1213240020	Hồ Vĩnh	Long	27/10/1993	01DS14A1	9.5	8.5	8.8		9.3		9.1	Đạt
13	1213360089	Nguyễn Yến	My	30/03/2006	01DS14C1	5.0	5.0	5.0		6.2		5.7	Đạt
14	1213360058	Lê Trung	Nguyên	14/01/2005	01DS14C1	5.0	6.8	6.2		7.2		6.8	Đạt
15	1213360036	Lê Nguyễn Phương	Nhi	02/11/2006	01DS14C1	7.3	7.0	7.1		6.5		6.7	Đạt
16	1213360044	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	28/09/2006	01DS14C1	6.0	6.0	6.0		7.2		6.7	Đạt
17	1213360085	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	08/06/2006	01DS14C1	3.0	6.0	5.0		6.0		5.6	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: QUẢN LÝ DƯỢC

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
18	1213240049	Đỗ Trọng	Phú	15/08/2003	01DS14A1	4.5	6.0	5.5		7.3		6.6	Đạt
19	1213360138	Trần Nguyễn Trọng	Phúc	21/02/2006	01DS14C1	3.0	6.0	5.0		5.8		5.5	Đạt
20	1213360062	Nguyễn Thanh Tú	Quyên	15/10/2006	01DS14C1	8.8	7.5	7.9		9.5		8.9	Đạt
21	1213360045	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	25/06/2006	01DS14C1	6.0	7.8	7.2		4.5		5.6	Đạt
22	1213360088	Đỗ Như	Quỳnh	15/10/2006	01DS14C1	6.0	7.8	7.2		5.8		6.3	Đạt
23	1213360108	Nguyễn Đoàn Hòa	Thịnh	14/09/2006	01DS14C1	3.3	6.0	5.1		5.7		5.5	Đạt
24	1203360032	Thái Thị Thuỷ	Tiên	01/10/2005	01DS14C1	7.5	7.0	7.2		7.7		7.5	Đạt
25	1213360047	Trần Thanh	Trà	26/02/2006	01DS14C1	5.0	7.8	6.8		4.5		5.4	Đạt
26	1213180024	Nguyễn Thị Mai	Trâm	10/02/1986	01DS14A1	8.3	9.0	8.8		7.3		7.9	Đạt
27	1213360033	Lưu Ngọc Tường	Vy	05/11/2006	01DS14C1	6.8	7.5	7.3		8.0		7.7	Đạt
28	1213360034	Lưu Ngọc Khánh	Vy	05/11/2006	01DS14C1	8.0	7.5	7.7		7.2		7.4	Đạt
29	1213240051	Trần Thị Hoàng Thúy	Vy	02/09/2003	01DS14A1	8.3	9.0	8.8		8.5		8.6	Đạt
30	1213360086	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	10/09/2006	01DS14C1	4.5	6.5	5.8		6.7		6.4	Đạt
31	1213360014	Đặng Thị Như	Ý	21/06/2006	01DS14C1	5.0	6.5	6.0		5.3		5.6	Đạt
32	1213360039	Từ Anh Mỹ	Ý	29/04/2006	01DS14C1	9.3	9.3	9.3		9.2		9.2	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: THỰC TẬP DƯỚI LÂM SÀNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
1	1213360095	Nguyễn Hữu Quốc	An	27/12/2006	01DS14C1	7.0	7.5	7.3		9.2		8.5	Đạt
2	1213240054	Trần Văn	An	08/01/2003	01DS14A1	7.5	8.5	8.2		9.3		8.8	Đạt
3	1213360072	Lê Thị Lan	Anh	26/07/2006	01DS14C1	6.5	8.0	7.5		9.0		8.4	Đạt
4	1213180033	Nguyễn Thị	Bình	10/08/1991	01DS14A1	8.0	9.0	8.7		9.3		9.0	Đạt
5	1213360152	Phùng Thị Thu	Dung	11/07/2006	01DS14C1	7.0	7.0	7.0		7.2		7.1	Đạt
6	1213360119	Hồng Quang	Duy	25/06/2006	01DS14C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
7	1213240060	Nguyễn Thanh	Duy	24/02/2003	01DS14A1	8.0	6.5	7.0		3.5		4.9	Đạt
8	1213360113	Phan Nguyễn Kim	Hoàng	16/04/2006	01DS14C1	7.0	7.0	7.0		6.3		6.6	Đạt
9	1213360006	Vũ	Huy	01/05/2000	01DS14C1	8.0	8.0	8.0		7.8		7.9	Đạt
10	1213360128	Lê Đỗ Sa	Huỳnh	12/11/2006	01DS14C1	7.5	7.5	7.5		8.7		8.2	Đạt
11	1213360097	Nguyễn Thái Phương	Khanh	25/10/2006	01DS14C1	7.0	7.0	7.0		5.2		5.9	Đạt
12	1213240020	Hồ Vĩnh	Long	27/10/1993	01DS14A1	8.0	8.0	8.0		8.2		8.1	Đạt
13	1213360089	Nguyễn Yến	My	30/03/2006	01DS14C1	7.0	7.0	7.0		5.3		6.0	Đạt
14	1213360058	Lê Trung	Nguyên	14/01/2005	01DS14C1	8.5	8.0	8.2		8.5		8.4	Đạt
15	1213360036	Lê Nguyễn Phương	Nhi	02/11/2006	01DS14C1	8.0	7.5	7.7		8.2		8.0	Đạt
16	1213360044	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	28/09/2006	01DS14C1	8.5	8.0	8.2		9.0		8.7	Đạt
17	1213360085	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	08/06/2006	01DS14C1	7.0	7.5	7.3		5.2		6.1	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: THỰC TẬP DƯỚI LÂM SÀNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
18	1213240049	Đỗ Trọng	Phú	15/08/2003	01DS14A1	8.0	7.5	7.7		8.0		7.9	Đạt
19	1213360138	Trần Nguyễn Trọng	Phúc	21/02/2006	01DS14C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
20	1213360062	Nguyễn Thanh Tú	Quyên	15/10/2006	01DS14C1	7.5	8.5	8.2		9.2		8.8	Đạt
21	1213360045	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	25/06/2006	01DS14C1	8.5	8.5	8.5		4.8		6.3	Đạt
22	1213360088	Đỗ Như	Quỳnh	15/10/2006	01DS14C1	8.0	8.0	8.0		8.5		8.3	Đạt
23	1213360108	Nguyễn Đoàn Hòa	Thịnh	14/09/2006	01DS14C1	8.0	7.0	7.3		8.8		8.2	Đạt
24	1203360032	Thái Thị Thuỷ	Tiên	01/10/2005	01DS14C1	6.0	8.0	7.3		8.3		7.9	Đạt
25	1213360047	Trần Thanh	Trà	26/02/2006	01DS14C1	6.5	7.5	7.2		6.0		6.5	Đạt
26	1213180024	Nguyễn Thị Mai	Trâm	10/02/1986	01DS14A1	8.0	8.0	8.0		9.0		8.6	Đạt
27	1213360033	Lưu Ngọc Tường	Vy	05/11/2006	01DS14C1	8.0	8.5	8.3		8.8		8.6	Đạt
28	1213360034	Lưu Ngọc Khánh	Vy	05/11/2006	01DS14C1	8.0	8.5	8.3		8.7		8.6	Đạt
29	1213240051	Trần Thị Hoàng Thúy	Vy	02/09/2003	01DS14A1	8.0	9.0	8.7		9.0		8.9	Đạt
30	1213360086	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	10/09/2006	01DS14C1	8.0	8.0	8.0		8.8		8.5	Đạt
31	1213360014	Đặng Thị Như	Ý	21/06/2006	01DS14C1	0.0	7.0	4.7	TBKT			1.9	Học lại
32	1213360039	Từ Anh Mỹ	Ý	29/04/2006	01DS14C1	8.0	8.0	8.0		9.2		8.7	Đạt
33	1193240119	Phạm Nguyễn Kim	Ngân	11/01/2001	01DS13A1	8.5	8.0	8.2		9.5		9.0	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: MARKETING DƯỢC

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
1	1213360095	Nguyễn Hữu Quốc	An	27/12/2006	01DS14C1	8.0	6.0	6.7		6.8		6.8	Đạt
2	1213240054	Trần Văn	An	08/01/2003	01DS14A1	8.0	7.0	7.3		7.5		7.4	Đạt
3	1213360053	Trần Nguyễn Minh	Anh	14/12/2004	01DS14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
4	1213360072	Lê Thị Lan	Anh	26/07/2006	01DS14C1	7.0	6.0	6.3		6.7		6.5	Đạt
5	1213180033	Nguyễn Thị	Bình	10/08/1991	01DS14A1	7.0	8.0	7.7		9.0		8.5	Đạt
6	1213360008	Nguyễn Thị Minh	Châu	09/07/2001	01DS14C1	7.0		2.3	TBKT			0.9	Học lại
7	1213360152	Phùng Thị Thu	Dung	11/07/2006	01DS14C1	7.0	5.0	5.7		5.0		5.3	Đạt
8	1213360119	Hồng Quang	Duy	25/06/2006	01DS14C1	5.0	5.0	5.0		6.3		5.8	Đạt
9	1213240060	Nguyễn Thanh	Duy	24/02/2003	01DS14A1	7.0	5.0	5.7		6.0		5.9	Đạt
10	1213360114	Ngô Thị Mỹ	Duyên	27/12/2006	01DS14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
11	1213360155	Nguyễn Tuyết	Hạnh	28/11/2006	01DS14C1	8.0		2.7	TBKT			1.1	Học lại
12	1213360113	Phan Nguyễn Kim	Hoàng	16/04/2006	01DS14C1	6.0	6.0	6.0		5.0		5.4	Đạt
13	1213360006	Vũ	Huy	01/05/2000	01DS14C1	8.0		2.7	TBKT			1.1	Học lại
14	1213360128	Lê Đỗ Sa	Huỳnh	12/11/2006	01DS14C1	8.0	5.0	6.0		5.2		5.5	Đạt
15	1213360097	Nguyễn Thái Phương	Khanh	25/10/2006	01DS14C1	7.0	5.0	5.7		5.7		5.7	Đạt
16	1213240020	Hồ Vĩnh	Long	27/10/1993	01DS14A1	8.0	8.0	8.0		7.8		7.9	Đạt
17	1213360089	Nguyễn Yến	My	30/03/2006	01DS14C1	7.0	5.0	5.7		7.2		6.6	Đạt
18	1213360058	Lê Trung	Nguyên	14/01/2005	01DS14C1	7.0	5.0	5.7		6.3		6.1	Đạt
19	1213360123	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	05/07/2006	01DS14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
20	1213360036	Lê Nguyễn Phương	Nhi	02/11/2006	01DS14C1	8.0	7.0	7.3		5.0		5.9	Đạt
21	1213360044	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	28/09/2006	01DS14C1	7.0	5.0	5.7		5.7		5.7	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: MARKETING DƯỢC

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
22	1213360085	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	08/06/2006	01DS14C1	6.0	5.0	5.3		4.0		4.5	Đạt
23	1213240049	Đỗ Trọng	Phú	15/08/2003	01DS14A1	7.0	5.0	5.7		6.5		6.2	Đạt
24	1213360138	Trần Nguyễn Trọng	Phúc	21/02/2006	01DS14C1	6.0	5.0	5.3		4.8		5.0	Đạt
25	1213360062	Nguyễn Thanh Tú	Quyên	15/10/2006	01DS14C1	8.0	8.0	8.0		7.8		7.9	Đạt
26	1213360045	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	25/06/2006	01DS14C1	8.0	5.0	6.0		3.8		4.7	Đạt
27	1213360088	Đỗ Như	Quỳnh	15/10/2006	01DS14C1	8.0	7.0	7.3		7.3		7.3	Đạt
28	1213360108	Nguyễn Đoàn Hòa	Thịnh	14/09/2006	01DS14C1	8.0	5.0	6.0		4.8		5.3	Đạt
29	1213360124	Trần Thị Thủy	Tiên	07/11/2006	01DS14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
30	1203360032	Thái Thị Thuỷ	Tiên	01/10/2005	01DS14C1	8.0	7.0	7.3		6.7		6.9	Đạt
31	1213360047	Trần Thanh	Trà	26/02/2006	01DS14C1	7.0	5.0	5.7		4.0		4.7	Đạt
32	1213180024	Nguyễn Thị Mai	Trâm	10/02/1986	01DS14A1	8.0	7.0	7.3		8.0		7.7	Đạt
33	1213360033	Lưu Ngọc Tường	Vy	05/11/2006	01DS14C1	8.0	7.0	7.3		6.7		6.9	Đạt
34	1213360034	Lưu Ngọc Khánh	Vy	05/11/2006	01DS14C1	8.0	7.0	7.3		6.3		6.7	Đạt
35	1213240051	Trần Thị Hoàng Thúy	Vy	02/09/2003	01DS14A1	8.0	8.0	8.0		7.7		7.8	Đạt
36	1213360086	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	10/09/2006	01DS14C1	8.0	6.0	6.7		5.5		6.0	Đạt
37	1213360014	Đặng Thị Như	Ý	21/06/2006	01DS14C1	8.0	5.0	6.0		4.2		4.9	Đạt
38	1213360039	Từ Anh Mỹ	Ý	29/04/2006	01DS14C1	8.0	6.0	6.7		7.2		7.0	Đạt